

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ,
Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 16/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và
Kế hoạch số 100-KH/ĐU ngày 29/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy
về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh**

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 16/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 100-KH/ĐU ngày 29/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 16/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 16/9/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 100-KH/ĐU ngày 29/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án cụ thể thuộc trách nhiệm quản lý, điều hành của UBND tỉnh.

- Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế về vị trí địa chiến lược, hệ thống cảng biển, biển, đảo, tài nguyên biển, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, có giá trị gia tăng cao; xây dựng và phát triển Đắk Lắk trở thành tỉnh mạnh về biển của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm, tiến độ, nguồn lực và thẩm quyền thực hiện; bảo đảm phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

2. Yêu cầu:

- Bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026, Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 16/9/2026 và Kế hoạch số 100-KH/ĐU bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện khoa học, khả thi; gắn với Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và các chương trình, đề án, dự án đang triển khai.

- Phát triển kinh tế biển gắn chặt với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; không đánh đổi môi trường, quốc phòng, an ninh và lợi ích lâu dài để lấy tăng trưởng kinh tế.

- Kế thừa các nhiệm vụ, chương trình, đề án đang triển khai theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) và các văn bản có liên quan; đồng thời, rà soát, cập nhật các yêu cầu mới của Nghị quyết số 20-NQ/TW, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế biển tỉnh Đắc Lắc nhanh, bền vững, hiệu quả, trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy đồng bộ tiềm năng, lợi thế về biển, vùng ven biển và mối liên kết biển - đô thị - đồng bằng - Tây Nguyên. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên và không gian biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Phát triển ngành kinh tế biển theo hướng xanh, hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Gắn phát triển kinh tế biển với phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên, tăng cường liên kết vùng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân khu vực ven biển; đồng thời bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững.

- Trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong phát triển kinh tế biển, gắn kết không gian cao nguyên với không gian biển, phát huy tổng hợp tiềm năng, lợi thế của tỉnh; ưu tiên tập trung thực hiện 04 đột phá trọng tâm:

- (1) Hình thành và phát triển hành lang kinh tế cao nguyên - biển theo trục Đông - Tây; tăng cường kết nối các vùng sản xuất, chế biến, đô thị và trung tâm kinh tế phía Tây với hệ thống cảng biển, logistics, khu kinh tế và các thị trường trong nước, quốc tế ở phía Đông.

- (2) Phát triển cụm động lực Khu kinh tế Nam Phú Yên - Bến cảng Bãi Góc - Khu công nghiệp Hòa Tâm - Trung tâm logistics, từng bước hình thành tổ hợp phát triển theo mô hình cảng biển - công nghiệp - đô thị - dịch vụ hiện đại, xanh và bền vững, tạo động lực tăng trưởng mới cho tỉnh và khu vực.

- (3) Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh tế thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững và có giá trị gia tăng cao, giảm dần phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, phát triển nuôi biển công nghiệp, chế biến sâu, dịch vụ hậu cần nghề cá, quản lý chuỗi và truy xuất nguồn gốc; xử lý căn cơ, dứt điểm các tồn tại về việc khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

(4) Xây dựng nền tảng quản trị biển hiện đại, quản trị số và phát triển kinh tế biển xanh, lấy dữ liệu, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm nền tảng; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả không gian, tài nguyên biển trên cơ sở sức chịu tải của môi trường, tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, phòng ngừa rủi ro thiên tai và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đến năm 2030:

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh 2026-2030 từ 11%/năm trở lên (phân đầu tốc độ tăng đến năm 2030 khoảng 12,39%); tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch biển: Phân đầu đạt bình quân 14%/năm; giá trị sản xuất nuôi biển tăng bình quân 8%/năm; tốc độ tăng trưởng của ngành thủy sản đạt 5-6%/năm.

- Về phát triển không gian biển, hạ tầng biển: Rà soát, đánh giá đầy đủ điều kiện, tiềm năng và lợi thế của tỉnh để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét hình thành trung tâm du lịch biển quốc gia, khu kinh tế đặc biệt ven biển phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng các tiêu chí theo quy định, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển của tỉnh. Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch; khu kinh tế Nam Phú Yên được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

- Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ biển hiện đại; hình thành hạ tầng đồng bộ, kết nối cơ sở dữ liệu biển quốc gia. Phân đầu 100% dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh được số hóa, tích hợp và chia sẻ theo quy định.

- Về quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Hoàn thành 100% phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo lộ trình của Trung ương. Diện tích khu bảo tồn biển dự kiến chiếm khoảng 0,6% diện tích vùng biển tỉnh; 100% các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn; 100% rác thải nhựa bờ biển được thu gom, xử lý theo quy định.

- Về văn hóa xã hội: Phân đầu đến năm 2030, Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh Đắc Lắc thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố có HDI cao nhất cả nước; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển trên 45%; 100% di sản văn hóa biển, đảo tiêu biểu trên địa bàn tỉnh được kiểm kê, tư liệu hóa và số hóa trên nền tảng dữ liệu số quốc gia; 100% cư dân vùng biển được tiếp cận điện, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

- Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại: Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển; bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển; 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn; xây dựng và triển khai có hiệu quả phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống; chủ động thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của tỉnh.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045:

Đến năm 2045, Đắc Lắc trở thành trung tâm biển mạnh, phát triển bền vững về biển, dựa trên nền tảng quản trị biển hiện đại, khoa học, công nghệ biển tiên tiến; trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng ven biển được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được giữ vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ, Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 16/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 100-KH/ĐU ngày 29/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quản trị biển:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về xây dựng, phát triển quốc gia biển mạnh và tỉnh mạnh về biển bằng hình thức phù hợp, thiết thực; gắn tuyên truyền với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

- Lồng ghép nội dung phát triển kinh tế biển vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của các sở, ngành, địa phương nhằm nâng cao nhận thức biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển về kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại và hội nhập.

- Tiếp nhận, kết nối và khai thác hiệu quả hệ thống dữ liệu, thông tin về biển được Trung ương chuyển giao; tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng thực thi pháp luật trên biển và địa phương ven biển, bảo đảm liên thông, phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và tổ chức không gian phát triển biển:

- Rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan; thực hiện nghiêm Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên và hạ tầng logistics, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, khả năng cân đối ngân sách địa phương và điều kiện thực tế của tỉnh; trường hợp nội dung đề xuất vượt thẩm quyền của tỉnh, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức phân vùng khai thác, sử dụng không gian biển, phân vùng chức năng khu vực biển cho các ngành, lĩnh vực theo quy định.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục đầu tư liên quan đến lĩnh vực biển, đảo, công khai, minh bạch quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết theo quy định, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tiếp tục phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển:

- Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, huy động nguồn lực, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng chiến lược phục vụ phát triển kinh tế biển, tăng cường liên kết vùng; tập trung nguồn lực cho các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển, logistics, du lịch, năng lượng và các ngành, lĩnh vực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan.

- Xây dựng danh mục dự án trọng điểm biển, ven biển và hải đảo theo từng giai đoạn; thực hiện lựa chọn nhà đầu tư công khai, minh bạch, có năng lực tài chính, công nghệ và quản trị; ưu tiên dự án xanh, tuần hoàn, phát thải thấp, giá trị gia tăng cao; kiên quyết không thu hút dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Phát triển doanh nghiệp biển; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng cảng biển, logistics, đóng tàu, du lịch, nuôi biển, chế biến thủy sản, năng lượng và công nghệ biển; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp và liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh với tập đoàn trong nước, quốc tế trong thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, tìm kiếm, thăm dò tài nguyên, khoáng sản biển và phát triển các ngành, lĩnh vực biển mới, tham gia sâu vào chuỗi giá trị đại dương toàn cầu.

- Tập trung rà soát, phân loại và xử lý dứt điểm các nguồn lực chậm đưa vào sử dụng như: quy hoạch treo, dự án tồn đọng, chậm triển khai, dự án khó khăn vướng mắc, tài sản công sử dụng kém hiệu quả, theo đúng quy định, xác định rõ trách nhiệm, thời hạn và kết quả xử lý.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, dự án động lực; ưu tiên phát triển các tổ hợp công nghiệp nặng gắn liền với lợi thế cảng biển nước sâu (lọc hóa dầu, kho dự trữ dầu thô, luyện kim, đóng tàu, năng lượng,...) và công nghiệp công nghệ cao. Trong đó tập trung thu hút và đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch, khu chức năng có vai trò thúc đẩy hình thành không gian công nghiệp - cảng biển - logistics phía Đông của tỉnh; các khu đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch biển.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình hành động số 17-CTr/TU, ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế biển; ưu tiên triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ điều tra cơ bản; quan trắc, giám sát, dự báo môi trường biển; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển; triển khai hệ thống quản trị, giám sát môi trường trên nền tảng số tại các khu kinh tế, khu công nghiệp và cảng biển của tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế biển theo hướng bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp; ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế biển mũi nhọn như logistics, công nghiệp biển, du lịch biển, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho lao động vùng ven biển; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; phát triển nguồn lao động kỹ thuật tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển.

- Tăng cường giáo dục về biển và đại dương trong hệ thống giáo dục; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý nhà nước về biển; có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển của tỉnh.

- Hoàn thiện hạ tầng số phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển các ngành kinh tế biển; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa trong quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế biển.

5. Đột phá, phát triển các ngành kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh và bền vững:

- Tổ chức triển khai hiệu quả 04 đột phá phát triển kinh tế biển của tỉnh, gồm: (1) Phát triển hành lang liên kết “cao nguyên - biển”, tăng cường kết nối hạ tầng, giao thông, logistics và các chuỗi giá trị giữa khu vực cao nguyên với không gian biển; (2) Phát triển cụm động lực Khu kinh tế Nam Phú Yên - Bến Cảng Bãi Gốc - Khu công nghiệp Hòa Tâm gắn với công nghiệp, cảng biển và logistics xanh, tạo động lực lan tỏa đến các không gian kinh tế biển; (3) Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh tế thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững và có giá trị gia tăng cao, giảm dần phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, phát triển nuôi biển công nghiệp, chế biến sâu, dịch vụ hậu cần nghề cá, quản lý chuỗi và truy xuất nguồn gốc, đồng thời xử lý căn cơ, dứt điểm các tồn tại về việc khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); (4) Đẩy mạnh quản trị biển số và phát triển kinh tế biển xanh, trên cơ sở số hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu biển và vùng bờ, ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên, môi trường, đồng thời sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, đa mục tiêu, hạ tầng dùng chung, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Cơ cấu lại ngành thủy sản theo chuỗi giá trị, hiện đại, bền vững; ban hành cơ chế, chính sách tạo đột phá nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao, sản xuất giống; phát triển cơ sở lưu trữ, bảo quản nguyên liệu thủy sản, chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc; ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng nghề cá, hoàn

thiện thủ tục công bố mở cảng cá theo quy hoạch, đầu tư khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, trung tâm hậu cần nghề cá; kiện toàn, tăng cường năng lực kiểm ngư, thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Triển khai các giải pháp đồng bộ, hiệu quả về chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm quyết tâm gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” đồng thời phát triển ngành thủy sản Việt Nam minh bạch, có trách nhiệm và bền vững.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển du lịch biển, thể thao, chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực ven biển. Hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh Đắk Lắk gắn với du lịch biển, du lịch sinh thái, văn hóa, cộng đồng, du lịch cà phê, không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên và các tuyến du lịch kết nối biển với Tây Nguyên.

- Phát triển các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng ngoài khơi, LNG và các ngành năng lượng mới theo quy hoạch; hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng; bảo đảm yêu cầu an toàn, môi trường, an ninh năng lượng, hạ tầng truyền tải và sự tham gia của doanh nghiệp trong nước trong chuỗi cung ứng.

- Phát huy vai trò Khu kinh tế Nam Phú Yên là động lực phát triển kinh tế biển của tỉnh, gắn với tăng cường liên kết, đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống đô thị ven biển, tạo không gian phát triển kinh tế biển đồng bộ, hiện đại. Ưu tiên các dự án công nghiệp ven biển, dịch vụ logistics gắn với Bến cảng Bãi Gốc có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, các dự án phát triển hạ tầng, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ có giá trị cao, thân thiện với môi trường phù hợp với ngành, lĩnh vực của tỉnh.

- Hoàn thành Đề án mở rộng Khu kinh tế Nam Phú Yên, điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040; nghiên cứu xây dựng phương án kết nối, liên kết Khu kinh tế Nam Phú Yên và Khu kinh tế Vân Phong được áp dụng cơ chế chính sách đặc thù, xem đây là vùng lõi phát triển kinh tế biển động lực toàn vùng, hướng tới xây dựng, hình thành Khu thương mại tự do gắn với cảng biển và trung tâm logistics; đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển với Khu kinh tế Vân Phong, hình thành cực tăng trưởng ven biển mạnh của khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, có khả năng dẫn dắt, lan tỏa và kết nối chuỗi logistics, công nghiệp, cảng biển và dịch vụ quy mô lớn.

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt đáp ứng tính thống nhất giữa quy hoạch tỉnh, quy hoạch Khu kinh tế Nam Phú Yên và quy hoạch ngành.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế biển:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 29 kết nối Đông - Tây; Dự án Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Gốc (Khu kinh tế Nam Phú Yên) kết nối QL1 đi Khu kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa); sớm hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án tuyến đường bộ cao tốc nối Đông - Tây tỉnh Đắk Lắk.

- Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp ven biển, trung tâm logistics, cảng cạn (ICD). Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công và huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư

hạ tầng khung, hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên, các khu công nghiệp động lực và các khu công nghiệp hiện hữu. Tập trung đầu tư các công trình kết nối Khu kinh tế Nam Phú Yên với Cảng Bãi Gốc, Quốc lộ 1, Quốc lộ 29, cao tốc Bắc - Nam, các trung tâm logistics, các khu công nghiệp và hành lang Đông - Tây; ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng phục vụ KCN Hòa Tâm và các khu công nghiệp động lực.

- Tập trung đầu tư, tích cực phối hợp triển khai, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo trục dọc Bắc - Nam, nhất là các tuyến đường ven biển, các trục giao thông chính kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; Dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam, đoạn qua địa bàn tỉnh.

- Phát triển đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu vực ven biển, gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, viễn thông, hạ tầng số; phát triển đô thị ven biển theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu thiên tai và bảo đảm không gian tiếp cận biển cho cộng đồng.

- Tăng cường kết nối giữa các khu vực hình thành chuỗi liên kết, phát huy vai trò của các không gian động lực trong phát triển kinh tế biển, bảo đảm mỗi khu vực phát huy đúng tiềm năng, lợi thế, đồng thời bổ trợ, kết nối với nhau, hình thành không gian kinh tế biển thống nhất, liên hoàn của tỉnh trong đó: (1) Khu vực Nam Phú Yên phát huy vai trò là không gian động lực về công nghiệp, cảng biển, logistics và năng lượng; tập trung phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên, Bến cảng Bãi Gốc, các ngành công nghiệp, dịch vụ logistics gắn với cảng biển, năng lượng tái tạo và các ngành có giá trị gia tăng cao; từng bước hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ và đầu mối thương mại quan trọng của tỉnh, tăng cường kết nối với khu vực Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và các vùng kinh tế khác; (2) Khu vực Tuy Hòa phát huy vai trò trung tâm chính trị, hành chính, đô thị, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển của tỉnh; ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, du lịch biển, đô thị ven biển, thương mại, dịch vụ logistics và các hoạt động kinh tế biển phù hợp; làm đầu mối kết nối các không gian phát triển kinh tế biển trong tỉnh; (3) Khu vực Tuy An phát huy lợi thế về tài nguyên, cảnh quan biển, đầm, vịnh và hệ sinh thái ven biển để phát triển du lịch biển, du lịch hệ sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên thiên nhiên; phát triển khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản theo hướng bền vững, ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo sản phẩm đặc trưng gắn với du lịch; (4) Khu vực Sông Cầu tập trung phát triển đô thị ven biển, du lịch biển, nghỉ dưỡng, kinh tế thủy sản và nuôi biển theo hướng hiện đại, bền vững; khai thác hiệu quả lợi thế về cảnh quan, vịnh, bãi biển và hệ sinh thái biển; hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung đầu tư phát triển 03 hành lang kinh tế gồm: Bắc - Nam Tây Nguyên, Bắc - Nam phía Đông và Đông - Tây, gắn với các tuyến cao tốc, đường sắt và quốc lộ chiến lược, thúc đẩy liên kết vùng, phát triển công nghiệp, logistics, du lịch, năng lượng; 02 trung tâm động lực gồm: Trung tâm cao nguyên phía Tây (Buôn Ma Thuột - Buôn Hồ) là trung tâm hành chính, đô thị, đổi mới sáng tạo; Trung tâm

ven biển phía Đông (gồm khu vực đô thị Tuy Hòa - Đông Hòa và vùng đô thị phụ cận), phát triển theo hướng trung tâm đô thị biển, công nghiệp ven biển, cảng biển, logistics, thương mại - dịch vụ và du lịch của khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; 03 cực tăng trưởng gồm: Ea Drăng (đô thị cửa ngõ phía Bắc, công nghiệp - dịch vụ), Sông Cầu (đô thị cửa ngõ phía Đông, kinh tế biển và đô thị thích ứng biến đổi khí hậu) và M'Drăk (công nghiệp, logistics, du lịch sinh thái), tạo động lực lan tỏa phát triển trên toàn tỉnh, nhằm khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, tăng cường liên kết vùng và huy động tối đa các nguồn lực cho tăng trưởng nhanh, bền vững.

- Đầu tư đồng bộ hạ tầng khu vực phát triển kinh tế biển, gồm hạ tầng nghề cá, cứu hộ, cứu nạn, năng lượng, cấp nước, y tế, giáo dục, thông tin liên lạc và các công trình thiết yếu khác; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế biển hiện đại, tạo cực tăng trưởng mới của tỉnh, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên và môi trường biển.

- Việc tổ chức không gian phát triển kinh tế biển phải bảo đảm thống nhất với định hướng Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; gắn với cấu trúc không gian 03 vùng phát triển, 03 hành lang kinh tế, 02 trung tâm động lực và 03 cực tăng trưởng; trong đó vùng động lực kinh tế biển phía Đông là không gian trọng điểm phát triển đô thị biển, công nghiệp ven biển, cảng biển, logistics, du lịch và dịch vụ.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các xã, phường ven biển:

- Rà soát, cập nhật, tổ chức thực hiện các phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản; quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi, hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển; gắn bảo tồn với sinh kế bền vững và du lịch có trách nhiệm.

- Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải; kiểm soát chặt nguồn thải từ đất liền, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, áp dụng các tiêu chí du lịch xanh.

- Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo sớm, ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, xói lở, xâm nhập mặn, nước biển dâng; bảo vệ bờ biển, phục hồi và phát triển vành đai sinh thái chắn sóng, rừng phòng hộ; rà soát kịch bản khí hậu đối với đô thị, hạ tầng và công trình ven biển. Thực hiện quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống của người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng dân cư biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

- Bảo tồn, phát huy giá trị các lễ hội, di sản văn hóa dân gian ven biển, tiêu biểu là Lễ hội Cầu ngư; xây dựng các không gian văn hóa cộng đồng, công viên văn hóa biển gắn với bảo vệ môi trường, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng ngư dân.

- Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, nước sạch, điện, Internet băng rộng, nhà ở và thiết chế văn hóa cho cư dân vùng biển.

- Hỗ trợ ngư dân, người lao động biển chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và thị trường; phát triển tổ đội, hợp tác xã, doanh

nghiệp cộng đồng; xây dựng cộng đồng cư dân biển tự quản, an toàn, văn minh, tích cực tham gia bảo vệ môi trường, tài nguyên biển và chủ quyền quốc gia.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực xã hội tham gia phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường, chủ quyền, biển, đảo; củng cố vững chắc thể trận lòng dân, phát huy vai trò của ngư dân, cộng đồng dân cư biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế:

- Quán triệt, triển khai đồng bộ các chủ trương, nghị quyết, chiến lược về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng khu vực phòng thủ, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân và thể trận lòng dân vững chắc.

- Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển và lực lượng dân quân biển vững mạnh; tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát, phòng chống tội phạm, buôn lậu, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh hàng hải, an ninh cảng biển, năng lượng, hạ tầng số và các công trình trọng yếu.

- Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, y tế biển, ứng phó sự cố; phát huy vai trò ngư dân, doanh nghiệp vận tải, du lịch và cộng đồng trong bảo vệ chủ quyền, cung cấp thông tin và hỗ trợ lực lượng chức năng trên biển.

- Tăng cường đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm trong nghiên cứu biển, công nghệ đại dương, đào tạo, bảo tồn, quản trị biển, du lịch, logistics, năng lượng và ứng phó khí hậu; tăng cường thông tin đối ngoại, tuyên truyền, phổ biến, pháp luật quốc tế về biển; quảng bá hình ảnh Đắc Lắc, thu hút nguồn lực, tri thức, công nghệ và đầu tư chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển.

(Danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án công trình quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2045 tại Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường ven biển:

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Kế hoạch số 123-KH/TU, ngày 16/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 100-KH/ĐU ngày 29/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và Kế hoạch này của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nội dung được phân công chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết; phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng yêu cầu và gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu.

- Đối với nhiệm vụ đã rõ, đã có văn bản chỉ đạo hoặc đã có chương trình, đề án đang triển khai, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện ngay, không ban hành thêm văn bản trung gian không cần thiết.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung, giải pháp, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây). Trong đó:

+ Đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND nhưng có nội dung liên quan trực tiếp đến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 218/NQ-CP, Kế hoạch số 123-KH/TU: tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đã được duyệt; đồng thời chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu mới theo Nghị quyết số 218/NQ-CP, Kế hoạch số 123-KH/TU, Kế hoạch số 100-KH/ĐU và Kế hoạch này. Trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, kinh phí hoặc thời gian thực hiện, cơ quan chủ trì đề án, dự án tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

+ Đối với các nhiệm vụ, đề án thuộc Quyết định số 1184/QĐ-UBND chưa triển khai hoặc đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, phê duyệt: Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu với nội dung Nghị quyết số 218/NQ-CP, Kế hoạch số 123-KH/TU, Kế hoạch số 100-KH/ĐU và Kế hoạch này. Trường hợp còn phù hợp, tiếp tục hoàn thiện thủ tục để triển khai, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch này. Trường hợp không còn phù hợp với Nghị quyết số 218/NQ-CP, Kế hoạch số 123-KH/TU, Kế hoạch số 100-KH/ĐU và Kế hoạch này, cơ quan chủ trì rà soát, dừng thực hiện theo thẩm quyền hoặc xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, dừng thực hiện theo quy định.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và quan hệ với đối tác nước ngoài trong quá trình triển khai Kế hoạch phải bảo đảm đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để theo dõi, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh; theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ được giao; tổng hợp, tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ của Kế hoạch khi cần thiết.

- Rà soát, ban hành danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản theo quy định; tham mưu bố trí lực lượng, kinh phí và các điều kiện

cần thiết để quản lý, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trong bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Chỉ đạo quản lý, khai thác cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; kiểm soát tàu cá ra, vào cảng, sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng và xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế biển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh theo quy định.

- Trên cơ sở đề xuất, dự toán của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách nhà nước theo phân cấp và quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu cơ chế, chính sách và giải pháp huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách đầu tư đối với các chương trình, dự án thuộc Kế hoạch.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp thông tin, tuyên truyền nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

5. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về biển và hải đảo theo Kế hoạch này.

6. Chế độ thông tin, báo cáo: Các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm; đồng thời tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết và điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, NNMT (Thy_03b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn